

Số: /BC-SNN&PTNT

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở đê bao bờ tả sông Yên đoạn từ K1+200 - K1+700, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 31/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 về việc giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm C quy mô nhỏ; Nghị quyết số 290/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 về việc sửa đổi khoản d Điều 2 Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm C quy mô nhỏ;

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt danh mục, mức hỗ trợ và phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022.

Căn cứ Công văn số 2464/UBND-THKH ngày 01/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc lập, thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý;

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án: Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở đê bao bờ tả sông Yên đoạn từ K1+200 - K1+700, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương với những nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở đê bao bờ tả sông Yên đoạn từ K1+200 - K1+700, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương.

2. Dự án nhóm: Nhóm C.

3. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

4. Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hóa.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương.

6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng): 12.000 triệu đồng (*Bằng chữ: Mười hai tỷ đồng*).

6.1. Nguồn vốn đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ theo Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 31/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ: 12.000 triệu đồng.

- Riêng chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có) do ngân sách huyện Quảng Xương chủ động bố trí kinh phí và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để triển khai dự án đảm bảo theo quy định: dự kiến kinh phí GPMB là 371,25 triệu đồng.

6.2. Dự kiến thời gian bố trí vốn thực hiện dự án: Năm 2023.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2023.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

1.1. Sự cần thiết đầu tư

Tuyến đê bao Quảng Phúc có nhiệm vụ bảo vệ tính mạng, tài sản, công trình hạ tầng và sản xuất cho người dân thuộc xã Quảng Phúc, đặc biệt có nhiệm vụ bảo vệ trực tiếp cho các hộ dân đã sinh sống từ lâu đời thuộc các thôn Ngọc Nhị, Ngọc Bình, Ngọc Đới, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương. Hiện nay, đoạn từ K1+200 - K1+700 là đê sát sông, nằm ở bờ lõm của đoạn sông cong, bãi sông trước đê hẹp, dòng chủ lưu hướng thẳng vào bờ, gây ra hiện tượng sạt lở nghiêm trọng, vách lở đứng thành, cục bộ có vị trí cung sạt đã áp sát chân đê và đang tiếp tục có diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn đê điều, đe dọa an toàn tính mạng, tài sản của người dân trong khu vực; việc xử lý cấp bách sự cố sạt lở nêu trên là cần thiết.

Trước hiện trạng thực tế nêu trên, ngày 23/12/2022, UBND huyện Quảng Xương đã có Tờ trình số 503/TTr-UBND về việc đề nghị hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình: Xử lý, kè chống sạt lở đê bao Quảng Phúc đoạn từ K1+220 - K1+570, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; ngày 03/3/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã có Quyết định số 712/QĐ-UBND phê duyệt danh mục, mức hỗ trợ và phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai năm 2022, trong đó có đầu tư khẩn cấp kè chống sạt lở tuyến đê bao bờ tả sông Yên đoạn từ K1+200 - K1+700, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương.

Để đảm bảo ổn định, an toàn cho đoạn đê này nói riêng và toàn bộ tuyến đê bao tả sông Yên nói chung, đồng thời ngăn chặn tình trạng sạt lở, tăng cường khả năng chống lũ và bảo đảm an toàn, ổn định lâu dài thì việc đầu tư xây dựng mới tuyến kè chống sạt lở, bảo vệ tuyến đê bao bờ tả sông Yên đoạn từ K1+200 - K1+700, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương là hết sức cần thiết và cấp bách.

(Chi tiết có Phụ lục 1, phụ lục 2 kèm theo)

1.2. Các điều kiện để thực hiện đầu tư:

a. Thuận lợi:

- Về giao thông trong vùng dự án tương đối thuận lợi, có các tuyến đường giao thông liên huyện, liên xã, chạy qua vị trí công trình.

- Hệ thống điện cao thế, hạ thế, mạng lưới điện thoại không dây và có dây đã được xây dựng tới vị trí công trình.

- Công trình khi triển khai được sự ủng hộ mạnh mẽ của các cấp chính quyền và nhân dân trong vùng dự án.

b. Khó khăn: Đây là tuyến đê trọng yếu đồng thời cũng là tuyến đường giao thông của địa phương, dân cư đông đúc. Do đó, quá trình thi công sẽ ảnh hưởng phần nào đến nhu cầu đi lại và hoạt động của nhân dân địa phương.

1.3. Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư

- Sự phù hợp với quy hoạch: Việc đầu tư dự án Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở đê bao tả sông Yên đoạn từ K1+200 đến K1+700, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa nhằm chủ động phòng, chống lụt bão, đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu; đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân là phù hợp với nội dung, mục tiêu, chương trình Phòng, chống sạt lở bờ sông, thích ứng biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai; Chiến lược Thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch tổng thể thủy lợi tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 17/6/2013;

- Sự phù hợp với kế hoạch đầu tư: Dự án được đầu tư phù hợp với mức vốn dự kiến đầu tư để khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022 theo Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 31/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022. Đồng thời, dự án thuộc danh mục đầu tư tại Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt danh mục, mức hỗ trợ và phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022.

2. Mục tiêu, quy mô, phạm vi và địa điểm đầu tư

2.1. Mục tiêu đầu tư: Bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản cho nhân dân khu vực bị ảnh hưởng. Phục vụ công tác phòng chống lụt bão và hạn chế đến mức

thấp nhất thiệt hại do bão, lũ gây ra; ổn định đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh và phát triển kinh tế - xã hội trong vùng dự án.

2.2. *Nội dung quy mô đầu tư:* Xây dựng mới tuyến kè chống sạt lở, bảo vệ đê bao tả sông Yên đoạn từ K1+200 đến K1+700, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa với chiều dài tuyến kè khoảng 500m.

- Sơ bộ giải pháp kỹ thuật:

+ Chân kè: Chân kè dạng lăng thể đá học thả rời. Kết cấu lăng thể đá học thả rời gồm hai khối. Phía dưới là đá học thả rời, phía trên đỉnh lăng thể tựa là lớp đá lát khan. Chân kè có thể gia cố bổ sung bằng rỗng đá hoặc rọ đá khi cần thiết.

+ Mái kè: Mái phía sông $m = (2,0 \div 2,5)$ được bảo vệ bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn kích thước (40x40x16)cm, phía dưới cấu kiện lót đá dăm lót (1x2)cm dày 10cm và vải lọc ATR15 hoặc tương đương tạo thành liên kết mảng mềm trong khung ô dầm bê tông đổ tại chỗ. Khung được tạo bởi các dầm ngang và dầm dọc theo mái kè. Phần cấu kiện bê tông đúc sẵn được lát từ cao trình chân kè đến cao trình đỉnh kè.

+ Đỉnh kè là dầm khóa đỉnh kè bằng bê tông cốt thép M250. Theo chiều dài tuyến cứ 11,8m cắt 1 khe lún giằng dầu nhựa đường.

+ Thiết kế đường quản lý vận hành, kết cấu bằng bê tông M250 dày 20cm.

(Hình thức, kết cấu dự kiến có phụ lục 3 kèm theo)

2.3. *Phạm vi đầu tư:* Trong phạm vi tuyến kè chống sạt lở, bảo vệ đê bao tả sông Yên đoạn từ K1+200 đến K1+700, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương.

2.4. *Địa điểm thực hiện dự án:* Xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư

3.1. Dự kiến tổng mức đầu tư

a) Tổng mức đầu tư

Tổng kinh phí đầu tư dự kiến của dự án: 12.379.979.000 đồng, cụ thể:

TT	Hạng mục chi phí	Giá trị
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	371.250.000 đồng
2	Chi phí xây dựng	10.325.711.074 đồng
3	Chi phí quản lý dự án	306.298.138 đồng
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	930.632.463 đồng
5	Chi phí khác	161.713.111 đồng
6	Chi phí dự phòng	284.373.716 đồng
	Tổng cộng (làm tròn)	12.379.979.000 đồng

(Chi tiết có phụ biểu Tổng mức đầu tư dự kiến kèm theo)

b) Cơ sở xây dựng tổng mức đầu tư:

- Về Định mức lập dự toán: Định mức dự toán xây dựng công trình ban hành kèm theo thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc “Ban hành định mức xây dựng” gồm Định mức khảo sát; Định mức xây dựng; Định mức lắp đặt HTKT; Định mức lắp đặt thiết bị và định mức chi phí quản lý và tư vấn đầu tư XD;

- Về Đơn giá lập dự toán:

+ Đơn giá vật liệu lấy theo đơn giá xây dựng công trình tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa và Công bố giá vật liệu đến hiện trường xây lắp quý III /2022 của Liên sở Xây dựng - Tài chính Thanh Hóa số 7804/LSXD-TC ngày 21/10/2022. Riêng Giá xăng dầu lấy theo giá ngày 01/11/2022;

+ Đơn giá nhân công theo Quyết định số 223/QĐ-SXD ngày 11/01/2022 của Giám đốc Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

+ Đơn giá ca máy thi công theo Quyết định số 727/QĐ-SXD ngày 26/01/2022 của Giám đốc Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc Công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Về chế lập dự toán: Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

c) Phương pháp xác định TMDT:

- Chi phí xây lắp: Tính toán theo khối lượng sơ bộ của dự án cho khoảng 600m kè Tân Bình theo thiết kế mặt cắt sơ bộ.

- Chi phí QLDA, tư vấn ĐTXD, chi phí khác: Tạm tính là 13% (Thông tư 11/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng).

- Chi phí dự phòng do khối lượng phát sinh và dự phòng cho yếu tố trượt giá tạm tính theo Thông tư 11/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

3.2. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ theo Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 31/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ: 12.000 triệu đồng.

- Riêng chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có) do ngân sách huyện Quảng Xương chủ động bố trí kinh phí và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để triển khai dự án đảm bảo theo quy định: dự kiến kinh phí GPMB là 371,25 triệu đồng.

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả

a) Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư: Năm 2023.

b) Dự kiến kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án: Năm 2023.

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí

vận hành dự án sau khi hoàn thành

5.1. *Chi phí liên quan trong quá trình thực hiện:* Được xác định trong tổng mức đầu tư dự án theo quy định về chi phí đầu tư xây dựng hiện hành của pháp luật.

5.2. *Chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:* Theo chi phí quản lý và duy tu, bảo dưỡng công trình, thiết bị từ nguồn kinh phí thường xuyên hàng năm của đơn vị được giao theo quy định.

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội

6.1. Đánh giá sơ bộ tác động về môi trường:

a. *Đánh giá sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án đầu tư với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan:*

Vị trí đề xuất đầu tư thực hiện dự án phù hợp với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 05/9/2021; đồng thời phù hợp với các quy hoạch đang tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, hiện đang được rà soát, hoàn thiện để trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

b. *Nhận dạng, dự báo các tác động môi trường chính của dự án đầu tư đối với môi trường trên cơ sở quy mô, công nghệ sản xuất và địa điểm thực hiện dự án:*

Trên cơ sở quy mô, nội dung đầu tư và địa điểm thực hiện dự án; trong quá trình thi công xây dựng công trình sẽ có một số tác động môi trường chính của dự án đầu tư đối với môi trường khu vực như sau:

- Khí thải từ các phương tiện vận tải chở vật liệu xây dựng, các loại máy móc, thiết bị thi công như bụi, khí NO_x, SO_x, CO, hydrocacbon.
- Bụi đất, cát sinh ra do các thiết bị vận chuyển và gió cuốn lên.
- Sinh ra tiếng ồn, rung từ các loại phương tiện vận tải và các loại máy móc thi công.
- Các loại chất thải rắn như các mảnh vật liệu xây dựng, giấy, bao bì và các loại rác thải sinh hoạt.
- Các chất thải nguy hại; nước thải trong quá trình thi công, sinh hoạt và nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công trong quá trình thi công dự án.
- Rơi vãi, rò rỉ dầu mỡ trong quá trình thi công vào môi trường đất, nước.
- Người dân xung quanh khu vực thi công có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi an toàn giao thông, an toàn lao động, khói, bụi, tiếng ồn do máy móc hoạt động, ... và xáo trộn cuộc sống do nhiều công nhân tham gia thi công trên công trường.

c. *Phân tích, đánh giá, lựa chọn phương án về quy mô, công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải, địa điểm thực hiện dự án đầu tư và biện pháp*

giảm thiểu tác động môi trường

- Việc thi công xây dựng dự án với quy mô, phạm vi đầu tư, địa điểm đầu tư đã được đề xuất tại Mục 2.2 và 2.3 sẽ giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động đến môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Biện pháp giảm thiểu tác động môi trường:

+ *Đối với các tác động liên quan đến chất thải (chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, thi công); khí thải:* **(i)** Khí thải độc hại gây ô nhiễm không khí chủ yếu là khói xả của các loại động cơ đốt trong; vì vậy để khống chế ô nhiễm, phải sử dụng nhiên liệu đúng chất lượng quy định là có hàm lượng lưu huỳnh thấp, sử dụng thiết bị đúng công suất của động cơ; **(ii)** Bảo trì, bôi trơn các thiết bị định kỳ nhằm tránh hiện tượng ma sát gây ồn, gây rung (02 tháng/lần); **(iii)** Trang bị phương tiện bảo hộ đầy đủ cho công nhân đặc biệt chú trọng trang bị các thiết bị chống ồn như: quần áo bảo hộ, mu, găng tay, nút tai; **(iv)** Cung cấp các thùng dành cho chất thải có thể tái chế có dán nhãn để khuyến khích tái chế; tham gia vào hoạt động thu gom chất thải có thể tái chế ở địa phương (nếu có); **(v)** Chứa chất thải sinh hoạt trong các thùng kín có nắp đậy để tránh gió thổi làm rơi vãi hoặc gây mùi khó chịu; **(vi)** Có khu chứa riêng cho chất thải sinh hoạt và thu gom nước rỉ từ khu vực này để xử lý (nếu có). Khu vực này phải kín để tránh ô nhiễm mùi hôi và rơi vãi; **(vii)** Thu gom chất thải sinh hoạt thường xuyên (ít nhất là hàng tuần) để giảm thiểu mùi hôi và rơi vãi; **(viii)** Áp dụng biện pháp kiểm soát phân loại tất cả các chất thải xây dựng bao gồm: gạch, đá, xi măng, sắt thép... và tái sử dụng vào các mục đích khác hoặc bán phế liệu; các chất thải còn lại không sử dụng được sẽ được vận chuyển đổ thải tại bãi đổ thải theo quy định.

+ *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* **(i)** Bố trí thời gian thi công hợp lý hạn chế tập trung máy móc hoạt động đồng thời làm cộng hưởng tiếng ồn; **(ii)** Máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển đưa vào sử dụng phải đảm bảo các thông số độ ồn rung theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

+ *Biện pháp giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái:* **(i)** Trong quá trình thi công, chủ dự án sẽ thực hiện nhip nhàng theo tiến độ, áp dụng quy trình thi công thống nhất từ đầu đến cuối cho dự án; **(ii)** Không để rò rỉ, rơi vãi dầu nhớt cùng như các chất thải khác trong suốt quá trình thi công; **(iii)** Thường xuyên kiểm tra thùng chứa nhiên liệu để hạn chế thất thoát, rò rỉ hơi xăng dầu

+ *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt, thi công:* Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, bếp ăn (bồn rửa, sàn) được thu gom vào hố nước thải có lắp đặt thiết bị vớt dầu mỡ. Nước thải từ hố này sẽ chảy vào hệ thống xử lý nước thải tạm thời (hầm tự hoại, xử lý sinh học hiếu khí kèm theo khử trùng) trước khi xả vào nguồn được cấp có thẩm quyền chấp thuận tiếp nhận.

+ *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* **(i)** Xây dựng và thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn đổ chất thải nguy hại; **(ii)** Phân loại chất thải nguy hại và không nguy hại; **(iii)** Trong quá trình thi công dự án, xây dựng khu vực lưu trữ tạm thời chất thải rắn nguy hại để chờ xử lý, có mái che, có dán nhãn, biển báo, có phân định ranh giới; **(iv)** Vận chuyển chất thải ra khỏi khu

vực dự án để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro tràn đổ, phát tán nguy hại tới người lao động và cộng đồng.

+ *Biện pháp giảm thiểu tác động do thi công dự án làm rơi vãi, rò rỉ xăng, dầu vào môi trường đất, nước:* **(i)** Sử dụng băng tải vận chuyển nhiên liệu kín; **(ii)** Kho chứa xăng dầu, nhiên liệu và hóa chất có tường chắn và đáy chống thấm; **(iii)** Quản lý nước chảy tràn ô nhiễm; **(iv)** Sử dụng khay hứng tràn đổ; **(v)** Sử dụng thiết bị ứng phó tràn đổ và làm sạch; **(vi)** Quản lý, lưu trữ tạm thời và thải bỏ chất thải đúng quy cách; **(vii)** Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố làm sạch đất và khử ô nhiễm; **(viii)** Thực hiện chương trình huấn luyện để nhân viên thông thạo các quy trình và thủ tục ứng phó sự cố; **(ix)** Đảm bảo việc kiểm tra chất lượng công tác xây dựng bãi chứa xăng, dầu; **(x)** Thực hiện chương trình quản lý đất và nước ngầm định kỳ.

- Các biện pháp khác: **(i)** Thông báo cho chính quyền địa phương và dân cư trong vùng về kế hoạch thi công; **(ii)** Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn như dựng hàng rào bảo vệ, rào chắn, lắp đặt đầy đủ biển báo khu vực công trường; **(iii)** Thực hiện đầy đủ việc che chắn các phương tiện chở vật tư, vật liệu trong quá trình thi công; tưới nước định kỳ khu vực thi công để giảm bụi.

d. Xác định các vấn đề môi trường chính và phạm vi tác động đến môi trường cần lưu ý trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường:

- Một số tác động môi trường chính của dự án đầu tư đối với môi trường khu vực như sau:

- Khí thải từ các phương tiện vận tải chở vật liệu xây dựng, các loại máy móc, thiết bị thi công như bụi, khí NO_x, SO_x, CO, hydrocacbon.

- Bụi đất, cát sinh ra do các thiết bị vận chuyển và gió cuốn lên.

- Sinh ra tiếng ồn, rung từ các loại phương tiện vận tải và các loại máy móc thi công.

- Các loại chất thải rắn như các mảnh vật liệu xây dựng, giấy, bao bì và các loại rác thải sinh hoạt.

- Các chất thải nguy hại; nước thải trong quá trình thi công, sinh hoạt và nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công trong quá trình thi công dự án.

- Người dân xung quanh khu vực thi công có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi an toàn giao thông, an toàn lao động, khói, bụi, tiếng ồn do máy móc hoạt động, ... và xáo trộn cuộc sống do nhiều công nhân tham gia thi công trên công trường.

6.2. Tác động về xã hội:

Bên cạnh những tác động tích cực về mặt xã hội như tạo thêm công việc cho người dân trong vùng, việc triển khai thực hiện dự án cũng có thể mang lại những tác động tiêu cực như: Xảy ra tình trạng mâu thuẫn giữa lực lượng công nhân với cư dân bản địa, có thể phát sinh tai nạn lao động, tai nạn giao thông trong quá trình triển khai thi công. Tuy nhiên, các tác động này có thể giảm thiểu bằng cách thực hiện nghiêm túc các biện pháp đảm bảo trật tự, đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thi công.

6.3. Xác định sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội:

Dự án hoàn thành sẽ khai thác hiệu quả các tiềm năng kinh tế và nguồn lực của địa phương; góp phần cải thiện môi trường, cảnh quan; đặc biệt công trình được xây dựng sẽ mang lại những giá trị to lớn về mặt phòng chống thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, góp phần ổn định đời sống của nhân dân, đảm bảo an sinh và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong vùng dự án.

7. Giải pháp tổ chức thực hiện

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hóa; đơn vị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công – dự toán: Sở Nông nghiệp và PTNT; đơn vị phê duyệt dự án (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật): Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa; đơn vị tổ chức lựa chọn các nhà thầu trong quá trình thực hiện dự án và có trách nhiệm chính trong việc đôn đốc các nhà thầu để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hóa.

- Phối hợp với chính quyền thực hiện tốt công tác tuyên truyền để người dân hiểu rõ lợi ích, đồng lòng trong việc thực hiện các mục tiêu của dự án.

- Lựa chọn các nhà thầu có kinh nghiệm, năng lực trong công tác tư vấn, thi công để đảm bảo dự án hiệu quả, tiết kiệm và hoàn thành trong thời gian sớm nhất có thể.

- Lựa chọn giải pháp thi công, xây dựng tiến độ thi công hợp lý, thực hiện tốt việc giám sát, bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng việc thi công đến môi trường, sinh hoạt của người dân trong khu vực.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án: Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở đe dọa bờ tả sông Yên đoạn từ K1+200 - K1+700, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (để thẩm định);
- Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT;
- Lưu: VT, KHTC.

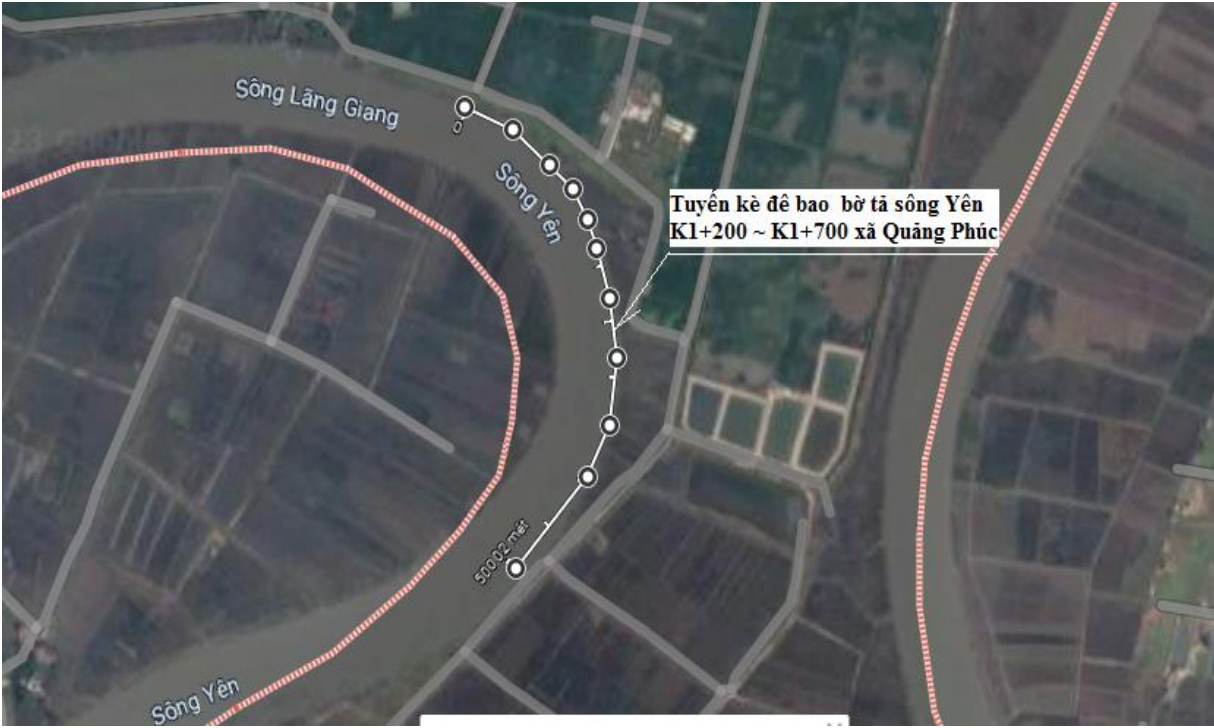
GIÁM ĐỐC

Cao Văn Cường

Phụ lục 1: Hình ảnh hiện trạng đoạn sạt lở đê bao bờ tả sông Yên đoạn từ K1+200 - K1+700, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương.

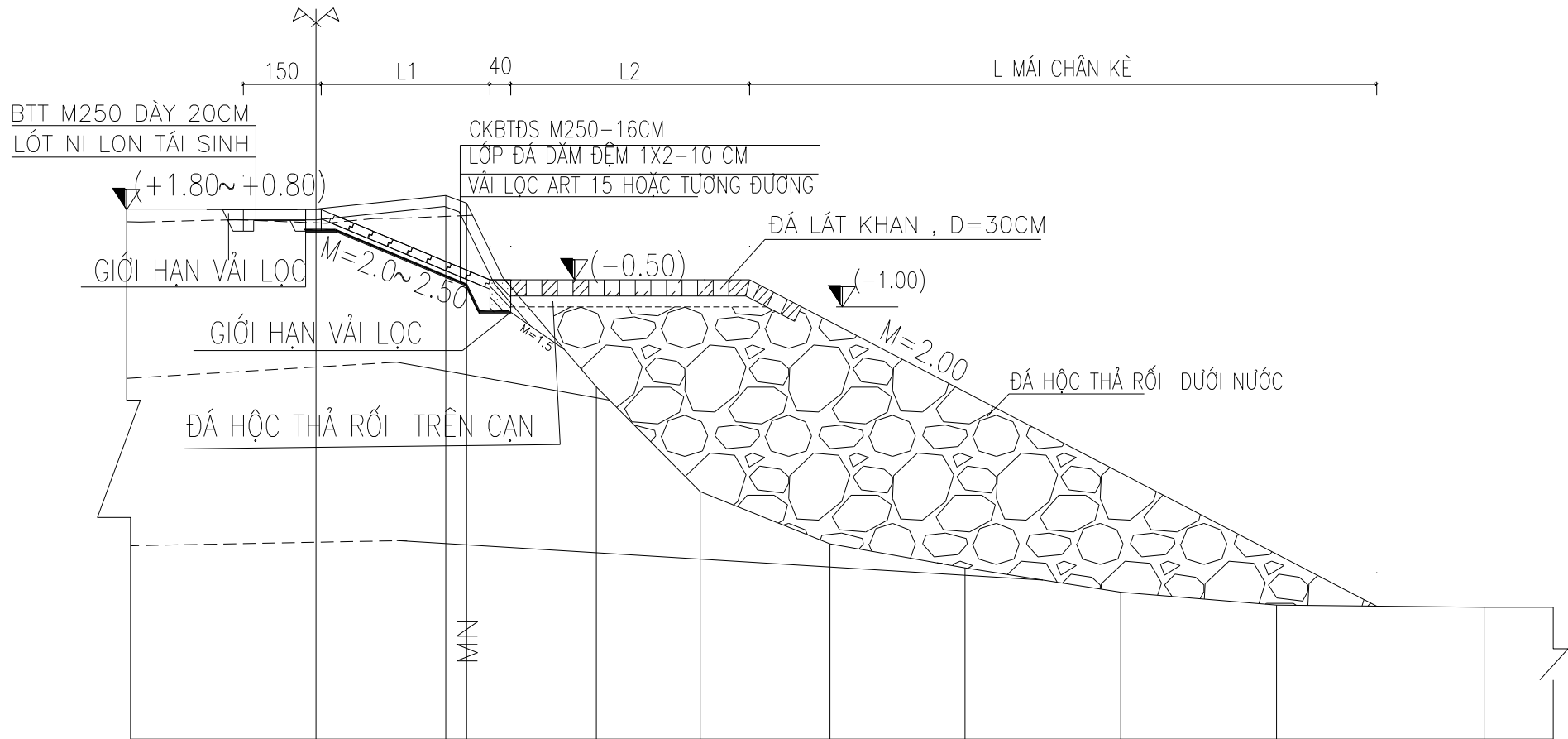


Phụ lục 2: SƠ ĐỒ HƯỚNG TUYẾN CÔNG TRÌNH
Dự án: Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở đê bao bờ tả sông Yên đoạn từ K1+200
- K1+700, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương



Phụ lục 3: Hình thức, kết cấu dự kiến

Dự án: Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở đê bao bờ tả sông Yên đoạn từ K1+200 - K1+700, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương



SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở đê bao bờ tả sông Yên đoạn từ K1+200 - K1+700, xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư					371.250.000	Ggpmb
2	Chi phí xây dựng			9.387.010.067	938.701.007	10.325.711.074	Gxd
2.1	Gia cố mái kè		Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	9.387.010.067	938.701.007	10.325.711.074	
3	Chi phí quản lý dự án	3,263%	(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	306.298.138		306.298.138	Gqlda
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			846.882.877	83.749.586	930.632.463	Gtv
4.1	Chi phí khảo sát địa chất			84.813.033	8.481.303	93.294.336	
4.2	Chi phí khảo sát địa hình			103.928.333	10.392.833	114.321.166	
4.3	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%	Gks trước thuế x tỷ lệ	5.662.241	566.224	6.228.465	
4.4	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.3 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3,81%	(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	357.645.084	35.764.508	393.409.592	
4.5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Bảng 2.19 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,361%	Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	33.887.106	3.388.711	37.275.817	
4.6	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	2,598%	Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	243.874.522	24.387.452	268.261.974	
4.7	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng (Bảng 2.23 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	4,072%	Gks trước thuế x tỷ lệ	7.685.548	768.555	8.454.103	
4.8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%	Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	4.693.505		4.693.505	
4.9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%	Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	4.693.505		4.693.505	

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
5	Chi phí khác			152.326.101	9.387.010	161.713.111	Gk
5.1	Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư 50/2022/TT-BTC)	1%	Gxd trước thuế x tỷ lệ	93.870.101	9.387.010	103.257.111	
5.2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 209/2016/TT-BTC)	0,019%	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	2.280.000		2.280.000	
5.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,385%	Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	46.176.000		46.176.000	
5.4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)		Chi phí giám sát thi công xây dựng x tỷ lệ	10.000.000		10.000.000	
6	Chi phí dự phòng					284.373.716	Gdp
6.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	2,351%	(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlđa+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			284.373.716	
	Tổng cộng					12.379.978.502	Gxdct
	Làm tròn					12.379.979.000	